

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2024/LĐ-ST

Ngày: 07 - 8 - 2024

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
lao động”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Trần Ngọc Phương – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 27/2024/TLST-LĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-LĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1) Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1989; trú tại: Ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số F đường N, khu nhà ở P, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Hoàng Thị Thùy L, sinh năm 2000; thường trú: 4 T, khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Huỳnh Châu P, sinh năm 1998; thường trú: 795 N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang;

Cùng địa chỉ liên lạc: Số F đường N, khu nhà ở P, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 29/12/2023).

Bà L, bà P có yêu cầu giải quyết vắng mặt

2) Bị đơn: Công ty TNHH S, trụ sở: Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Vương Thanh T**, sinh năm 1984; địa chỉ liên lạc: 74 **ĐX A, tổ C, khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương** – là đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 23/5/2024), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Huỳnh Văn H1**, sinh năm 1992; địa chỉ: **Ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang**; tạm trú: 1/277 **khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội **thành phố T, tỉnh Bình Dương**; địa chỉ: **Đường N, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2023, bản tự khai ngày 21/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông **Lê Văn H** và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ông **H** tham gia lao động tại **Công ty TNHH S** (gọi tắt là **công ty S**) từ tháng 9 năm 2010, có tham gia bảo hiểm xã hội, được cấp sổ bảo hiểm xã hội số: 7410276607.

Vào đầu năm 2023, ông **Lê Văn H** làm hồ sơ đề hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình xét duyệt và xử lý hồ sơ thì ông **H** nhận được thông báo từ Cơ quan bảo hiểm xã hội **thành phố T** cho biết thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông **H** bị trùng vào tháng 09/2010. Theo đó, còn một sổ bảo hiểm xã hội khác mang số: 7408181575 cũng đứng tên ông **Lê Văn H**. Cả hai sổ bảo hiểm xã hội đều ghi nhận quá trình đóng bảo hiểm vào tháng 09/2010 tại **Công ty TNHH S** của ông **Lê Văn H**.

Có sự việc như trên là do ông **Huỳnh Văn H1** là anh em họ với ông **Lê Văn H** đã mượn thông tin, giấy chứng minh nhân dân của ông **H** và sử dụng thông tin nhân thân của ông **H** để giao kết Hợp đồng lao động với **Công ty TNHH S** từ tháng 10/2009 đến tháng 09/2010 vì thời điểm này ông **H1** chưa đủ 18 tuổi nên chưa ký được hợp đồng lao động. Khi ông **H1** làm việc tại **Công ty S** thì được đóng bảo hiểm xã hội đúng theo quy định pháp luật, được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 7408181575. Tuy nhiên, do ông **H1** sử dụng thông tin nhân thân của ông **H** để ký kết Hợp đồng lao động nên Hợp đồng lao động và Sổ bảo hiểm xã hội của ông **H1** trong thời gian này đều mang thông tin của ông **Lê Văn H**.

Nay ông **Lê Văn H** yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương giải quyết: Tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa người lao động có tên ông **Lê Văn H** (do ông **Huỳnh Văn H1** là người ký kết) và **Công ty TNHH S** trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 09/2010 vô hiệu, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

** Người đại diện hợp pháp của bị đơn **Công ty TNHH S** bà **Vương Thanh T** trình bày:*

Công ty TNHH S và ông **Huỳnh Văn H1** có ký hợp đồng lao động có xác định thời hạn 01 năm, từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 09 năm 2010, vị trí công việc là công nhân bên bộ phận **G**. Ông **H1** làm việc đến tháng 09 năm 2010 thì xin nghỉ việc. Trong thời gian ông **H1** làm việc tại **Công ty TNHH S** thì công ty có tham gia bảo hiểm xã hội cho ông **H1** đầy đủ theo quy định, thời điểm ông **H1** xin vào làm tại công ty thì có cung cấp cho công ty hồ sơ xin việc gồm: Sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe, căn cước công dân, đơn xin việc làm, hồ sơ xin việc thể hiện tên của ông **Lê Văn H** nên toàn bộ hồ sơ tại công ty đối với người lao động **Huỳnh Văn H1** đều là tên của ông

Lê Văn H. Sự việc như trên là do ông **Huỳnh Văn H1** đã không trung thực với công ty trong việc giao kết hợp đồng lao động nên Công ty không thể biết được. Mặt khác, tại thời điểm đó, do **công ty T1** nhiều công nhân phục vụ nhu cầu sản xuất nên công ty không thể biết được người lao động tại công ty là ông **H1** chứ không phải ông **H**. Đến khi **Công ty TNHH S** nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và đơn khởi kiện thì công ty mới biết được sự việc trên. Thời gian sau, ông **H1** nghỉ việc, ông **H** tiếp tục vào công ty làm việc với hồ sơ tên thật của ông **H**.

Về việc **Công ty TNHH S** ký hợp đồng lao động với ông **H** nhưng thực tế người lao động là ông **H1** là sai nên thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời **Công ty TNHH S** sẵn sàng hợp tác và hỗ trợ các thủ tục cần thiết để nguyên đơn ông **Lê Văn H** được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo đúng quy định. Bị đơn không có yêu cầu phạt trong vụ án, không có yêu cầu gì khác, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*** Tại đơn trình bày ý kiến ngày 26/3/2024, các lời khai trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H1 trình bày:**

Ông **Huỳnh Văn H1** là anh em họ với ông **Lê Văn H**. Ông **H1** xác định có giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại **Công ty TNHH S** từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 9 năm 2010, thời điểm này do ông **H1** chưa đủ 18 tuổi, không được ký hợp đồng lao động nên đã mượn giấy Chứng minh nhân dân và các thông tin cá nhân của ông **Lê Văn H** để nộp hồ sơ xin việc vào **Công ty TNHH S**, sau đó công ty có tham gia bảo hiểm xã hội cho ông **H1** theo quy định, được cấp sổ Bảo hiểm xã hội mã số 7408181575, toàn bộ hồ sơ lao động và tham gia bảo hiểm xã hội đều đứng tên ông **Lê Văn H**. Ông **H1** nhận thấy việc ông ký kết hợp đồng lao động với Công ty như trên là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Lê Văn H** đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Văn H** thì ông **H1** thống nhất, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*** Tại Công văn số 351/CV-BHXH ngày 10/5/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T xác định:** Công ty TNHH S có đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp cho ông **Lê Văn H**, sinh năm 1989, số chứng minh nhân dân 351938660, CCCD số 089089021320 với mã số Bảo hiểm xã hội 7408181575 từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 09 năm 2010 và mã số Bảo hiểm xã hội 74102276607 từ tháng 09 năm 2010 đến tháng 05 năm 2024, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:**

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông **Lê Văn H** khởi kiện “Tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa người lao động có tên ông **Lê Văn H** (do ông **Huỳnh Văn H1** là người ký kết) và **Công ty TNHH S** trong thời gian từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 09/2010 vô hiệu”.

Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn **Công ty TNHH S** có địa chỉ trụ sở tại **Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương**. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; người đại diện hợp pháp bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Huỳnh Văn H1** và Bảo hiểm **thành phố T** có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa **Công ty TNHH S** và ông **Lê Văn H**. Tuy nhiên, tất cả các đương sự đều thống nhất có việc giao kết hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông **Huỳnh Văn H1** dùng nhân thân của ông **Lê Văn H** để ký kết hợp đồng lao động với **Công ty TNHH S** từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 09 năm 2010, được công ty tham gia BHXH được thể hiện đầy đủ tại sổ bảo hiểm xã hội số số: 7408181575. Tuy nhiên, thực tế ông **Lê Văn H** cũng giao kết hợp đồng lao động tại **Công ty TNHH S** và có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 74102276607 từ tháng 09 năm 2010 đến tháng 05 năm 2024.

Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin cung cấp từ cơ quan bảo hiểm xã hội **thành phố T** có cơ sở xác định: Việc ông **Huỳnh Văn H1** sử dụng thông tin cá nhân và chứng minh nhân dân của ông **Lê Văn H** để giao kết hợp đồng lao động với **Công ty TNHH S** là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 (Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019), vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật lao động 2012 (khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019). Do đó, theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật lao động 2012 (điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019) đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Do đó, nguyên đơn ông **Lê Văn H** yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động tên **Lê Văn H** (do ông **Huỳnh Văn H1** là người ký) và **Công ty TNHH S** thời gian từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 09 năm 2010 vô hiệu toàn bộ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu gì khác trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với quyền lợi của ông **Huỳnh Văn H1** do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn **Công ty TNHH S** phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự năm 2015);

- Các Điều 17, 19, 50, 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012 (nay là các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

- Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Văn H** về việc Tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn **Công ty TNHH S**.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa ông **Lê Văn H** và **Công ty TNHH S** trong thời gian từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 09 năm 2010 vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông **Lê Văn H** theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: **Công ty TNHH S** phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông **Lê Văn H** số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004612 ngày 19/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh

